

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2023/DS-ST
Ngày: 15-12-2023
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tân Dũng.
- Bà Đào Thụy Phương Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 121/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1962; Nơi cư trú: Khóm T1, thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Ngọc L, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1973; Nơi cư trú: Ấp T, xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 7 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Vào ngày 13 tháng 4 năm 2020, bà có cho bà Huỳnh Ngọc L vay số tiền 44.670.000 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy mươi nghìn đồng), thời hạn vay là 02 tháng, bà L có nghĩa vụ trả hết số tiền gốc cho bà, lãi suất hai bên thỏa thuận là mỗi ngày 50.000 đồng, khi vay tiền bà L có làm tờ xác nhận vay tiền, bà là người giữ tờ xác nhận vay tiền. Kể từ thời điểm vay tiền bà đến nay, bà L không trả cho bà khoản tiền lãi nào hết. Sau đó, bà L có trả được cho bà số tiền gốc là 12.000.000 đồng (bà không nhớ rõ ngày tháng bà L trả tiền), bà L còn nợ lại bà số tiền gốc 32.670.000 đồng. Tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu chỉ yêu cầu bà L trả cho bà tổng số tiền vay gốc là 32.670.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 13 tháng 4 năm 2020 đến khi giải quyết xong vụ án ngày với lãi suất mỗi tháng 0,83%.

** Bị đơn bà Huỳnh Ngọc L trình bày:* Vào năm 2020 (không nhớ ngày tháng), bà có vay tiền của bà Nguyễn Thị N nhiều lần không nhớ cụ thể số tiền vay, mỗi lần vay khoảng từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng, có đóng tiền góp và tiền lãi. Sau đó, do không còn khả năng trả nợ nên bà mới nói bà N tính lại tổng số tiền nợ là bao nhiêu thì qua thỏa thuận là 44.670.000 đồng, bà cũng có làm giấy nhận nợ với bà N vào ngày 13 tháng 4 năm 2020 và bà N có hứa không khởi kiện và chỉ trả số tiền này. Bà có năn nỉ trả 50.000 đồng/ngày tiền gốc, bà trả nhiều lần được 12.000.000 đồng, còn nợ lại là 32.670.000 đồng. Khi thỏa thuận trả nợ thì chỉ nói trả gốc không trả lãi nữa, chỉ có bà và N thỏa thuận với nhau không có ai chứng kiến. Nay bà chỉ đồng ý trả số nợ gốc là 32.670.000 đồng và xin trả mỗi tháng 300.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N; buộc bị đơn bà Huỳnh Ngọc L trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị N số tiền vay gốc là 32.670.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật:

[1.1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện bà Huỳnh Ngọc L trả số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về việc vay tài sản, bị đơn bà Huỳnh Ngọc L đang cư trú tại xã Thường Lạc, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, vì vậy theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị đơn bà Huỳnh Ngọc L có nợ tiền của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ, điều đó đã được thể hiện qua giấy xác nhận nợ ngày 13 tháng 4 năm 2020 của bà Huỳnh Ngọc L và bà Huỳnh Ngọc L cũng thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc 32.670.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Vì vậy, việc khởi kiện của bà Nguyễn Thị N là có căn cứ. Đối với việc bà L chỉ đồng ý trả bà số tiền gốc 32.670.000 đồng nhưng trả dần hàng tháng là 400.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy việc thanh toán số nợ 32.670.000 đồng là nghĩa vụ bắt buộc của bà L theo Điều 466 Bộ luật Dân sự; mặt khác, giữa bà N và bà L không có sự thỏa thuận về phương thức thanh toán đối với số nợ này, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà L.

[3] Về yêu cầu tiền lãi, bà Nguyễn Thị N yêu cầu tính tiền lãi tính ngày 13 tháng 4 năm 2020 đến ngày Tòa án xét xử xong với lãi suất là 0,83%/tháng: Hội đồng xét xử xét thấy kể từ ngày 13 tháng 4 năm 2020 giữa bà N và bà L chốt nợ số tiền là 44.670.000 đồng, thì bà L chỉ trả nhiều lần được số tiền 12.000.000 đồng mà các bên thống nhất là tiền gốc, còn tiền lãi thì không trả nên bà L phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tuy nhiên bà N chỉ yêu cầu trả lãi đối với số tiền 32.670.000 đồng là có lợi cho bà L, vì vậy việc yêu cầu tính lãi của bà N là có căn cứ theo khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự: “*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.*”. Việc bà N chỉ yêu cầu bà L trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự với lãi suất là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng, vì vậy yêu cầu của bà N về mức lãi suất là đảm bảo theo quy định. Căn cứ quy định trên, khoản tiền bà L chậm trả là 32.670.000 đồng,

tính lãi từ ngày từ ngày 13 tháng 4 năm 2020 đến ngày 15 tháng 12 năm 2023 (ngày xét xử) là 44 tháng 21 ngày với số tiền lãi làm tròn là 12.000.000 đồng.

[4] Từ những nhận định trên, đã đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng phù hợp với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên là đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N, buộc bà Huỳnh Ngọc L phải trả số tiền gốc và lãi là 44.670.000 đồng theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị N.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng các Điều 144 và 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quy định: “Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận”; căn cứ vào điểm b khoản 1.3 Điều 1 Mục II của Danh mục án phí kèm theo Nghị quyết, bà Huỳnh Ngọc L chịu toàn bộ án phí của số tiền phải thực hiện nghĩa vụ là 44.670.000 đồng x 5% là 2.233.000 đồng; bà Nguyễn Thị N được miễn án phí sơ thẩm do là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 71, các Điều 91, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, buộc bà Huỳnh Ngọc L trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 44.670.000 đồng (bốn mươi bốn triệu sáu trăm bảy chục nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Bà Huỳnh Ngọc L phải chịu 2.233.000 đồng (hai triệu hai trăm ba mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Nguyễn Thị N được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng